TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI XHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường, ông Nguyễn Duy Chấn

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà:*** Bà Lại Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 11/2024-TB-TA ngày 05 tháng 7 năm 2024.

Nguyên đơn: Chị H – sinh năm 1982.

Địa chỉ: Bon Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành C – sinh năm 1983.

Địa chỉ: Bon Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2024 và lời trình bày của nguyên đơn chị H trong quá trình giải quyết vụ án thì: Chị và anh Nguyễn Thành C kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 25/7/2005 và cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/9/2010. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn ly hôn với anh Nguyễn Thành C là; sau khi kết hôn chung sống với

nhau thì vợ, chồng liên tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Thành C thường xuyên sử dụng bia rượu dẫn đến hạn chế ý thức và bạo hành chị H nhiều lần. Anh Nguyễn Thành C sử dụng ngôn từ nặng nề, xúc phạm đến gia đình bố mẹ đẻ của chị H. Vì mâu thuẫn ngày càng lớn, cãi vã thường xuyên, gây áp lực thể chất và tinh thần nên hiện tại cả hai sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay. Từ thời gian đó đến nay anh C có ý muốn hòa giải để vợ, chồng về đoàn tụ, nhưng khi chị H đồng ý, anh C vẫn tiếp tục sử dụng bạo lực đối với chị. Xét thấy chị và và anh C không thể chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện, chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/9/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 17/5/2024 và tại phiên tòa chị H thay đổi nguyện vọng, đồng ý giao cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/9/2010 cho anh Nguyễn Thành C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thành C trình bày: Anh đồng ý với toàn bộ lời khai của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chug, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn.

Với yêu cầu khởi kiện của chị H: Về quan hệ hôn nhân, anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn. Về con chung, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/9/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên anh Nguyễn Thành đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị H' Quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị H và anh Nguyễn Thành C đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị H được ly hôn với anh Nguyễn Thành C

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/9/2010 cho anh Nguyễn Thành C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1 . Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Thành C, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại Bon Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Thành C kết hôn với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; sau khi kết hôn đã liên tục xảy ra xô xát, cãi vã. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống, các bên đều không tìm được tiếng nói chung, anh C thừa nhận có sử dụng vũ lực với chị H. Mặc dù anh C ý thức được hành vi của mình nhưng không có biện pháp để khắc phục, dẫn đến mục đích xây dựng hạnh phúc gia đình, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Thành C là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 25/7/2005 và cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/9/2010.

Hiện nay, cháu Nguyễn Thành T đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, cháu Nguyễn Thành D đang được chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H có nguyện vọng giao con chung là cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/9/2010 cho anh Nguyễn Thành C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Quá trình lấy lời khai của con chung, cháu Nguyễn Thành D có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Tuy nhiên, xét thấy chị H hiện nay không có nghề nghiệp và nơi ở ổn định, Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Thành D sinh ngày 25/9/2010 cho anh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến

tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp, đảm bảo cho việc học tập cũng như phát triển toàn diện của cháu.

Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí DSST: Chị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST theo quy định pháp luật.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/9/2010 cho anh Nguyễn Thành C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi tuổi, trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí DSST: Chị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm về việc "Ly hôn" được khấu trừ vào 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005823 ngày 08/4/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Săk, huyện Đắk Mil.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng